

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp xin ly hôn và  
giải quyết việc nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đinh Thị Phương Lan

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Diệp- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị Quỳnh M, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 8, ấp V, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh T, sinh năm 1992; địa chỉ: khu phố T, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Quỳnh M trình bày:* Chị và anh T kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 21/6/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cuộc sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không đem lại hạnh phúc, thực tế anh chị đã sống ly thân hơn 08 năm nay nên chị xin ly hôn với anh T. Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Phan Quỳnh Anh, sinh ngày 11/01/2012, chị nhận nuôi con cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, quá trình chung sống anh chị không có tài sản

chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Phan Thanh T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị M, anh T, nhưng anh chị vắng mặt tại phiên tòa, riêng chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sóc Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 21/6/2012, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống vợ chồng, giữa chị M và anh T thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thực tế chị M không còn tình cảm với anh T và anh, chị đã sống ly thân hơn 08 năm. Xét thấy cuộc hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị M về việc cho chị ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phan Quỳnh Anh, sinh ngày 11/01/2012. Từ khi chị M, anh T sống ly thân cho đến nay, cháu Anh sống cùng mẹ và chị M vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc, giáo dục con, nay anh chị ly hôn chị muốn nhận nuôi con và cháu Anh cũng có nguyện vọng muốn ở với chị M, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu Anh cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác nhận quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị M yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56 và khoản 2 và khoản 3, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Thị Quỳnh M ly hôn với anh Phan Thanh T.
  2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Quỳnh Anh, sinh ngày 11/01/2012 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
  3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
  4. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị M đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001739 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị M đã nộp xong.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND TT S;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**